TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/LĐ – ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy, công tác tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Cần Giuộc;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST- LĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST - LĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp O, xã T1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Trúc T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp O, xã T1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A, đường số B, khu công nghiệp H, xã H1, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M, chức danh: Tổng giám đốc;

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số X, Y, phường Z, thành phố T2, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:

Năm 2011, bà có cho bà Phạm Thị Trúc T, sinh ngày 08/11/1996 mượn giấy tờ tùy thân để xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam (Sau đây viết là Công ty S). Công ty S có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T với tên của bà, theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 ngày 11/5/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Từ tháng 02/2012 đến nay, bà làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P và được Công ty trách nhiệm hữu hạn P tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412105440 ngày 27/7/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương. Gần đây, bà biết được bà có 02 sổ bảo hiểm xã hội trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2012 đến tháng 05/2015, gồm sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 và sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412105440. Do đó, bà khởi kiện bà Phạm Thị Trúc T yêu cầu:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được xác lập trên văn bản là giữa Công ty S với bà nhưng người lao động và người ký hợp đồng trên thực tế là bà Phạm Thị Trúc T, làm việc từ tháng 09/2011 đến tháng 5/2015. Hiện bà không có hợp đồng lao động này.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8011034861 ngày 11/5/2012 tên Đỗ Thị N làm việc tại Công ty S thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 03/2012 đến tháng 05/2015 thành tên Phạm Thị Trúc T, để bà và bà T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Trúc T trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà Đỗ Thị N. Năm 2011, bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà N để xin việc làm tại Công ty S. Bà không còn giữ hợp đồng lao động với Công ty S. Đến tháng 5/2015, bà nhưng với tên của bà N xin nghỉ việc tại Công ty S và sử dụng thông tin thật của bà để tiếp tục làm việc tại Công ty S cho đến nay. Trong thời gian này bà có nghỉ việc 01 lần, bà được Công ty S tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015019637 cấp ngày 06/8/2015 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Đối với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 ngày 11/5/2012 tên Đỗ Thị N và sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015019637 cấp ngày 06/8/2015 tên của bà thì bà đều chưa lãnh chế độ bảo hiểm.

Bà đồng ý điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 ngày 11/5/2012 tên Đỗ Thị N thành tên của bà, nếu luật cho phép thì đề nghị gộp sổ

bảo hiểm xã hội này với sổ bảo hiểm xã hội số 8015019637 cấp ngày 06/8/2015 của bà. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến: Tháng 09/2011, Công ty S có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Đỗ Thị N, sinh ngày 09/5/1993, số sổ BHXH được cấp là 8011034861, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 09/2011 đến tháng 5/2015, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng Công ty vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty S với bà Đỗ Thị N nhưng người lao động thật sự là bà Phạm Thị Trúc T. Thời điểm tháng 09/2011, bà Phạm Thị Trúc T chưa đủ 15 tuổi nên bà T được quyền liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả số tiền bảo hiểm đã đóng thực tế đối với khoản thời gian chưa đủ 15 tuổi. Điều chỉnh gộp sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 ngày 11/5/2012 trong thời gian tham gia bảo hiểm từ lúc bà T đủ 15 tuổi đến tháng 5/2015 với sổ bảo hiểm xã hội số 8015019637 cấp ngày 06/8/2015 của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Đỗ Thị N khởi kiện bà Phạm Thị Trúc T, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội. Hợp đồng lao động được giao kết tại Công ty S, địa chỉ tại xã H, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Đỗ Thị N và bà Phạm Thị Trúc T thống nhất trình bày vào năm 2011 bà N có cho bà T mượn giấy tờ tùy thân để bà T giao kết hợp đồng lao động với Công ty S, thời gian làm việc từ tháng 09/2011 đến tháng 05/2015. Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng liên quan nhưng không có ý kiến phản hồi về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định lời trình bày của bà N và bà T là đúng sự thật. Vào tháng 09/2011, bà Phạm Thị Trúc T đã sử dụng thông tin nhân thân của bà Đỗ Thị N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S. Trên hợp đồng lao động thì tên người lao động là bà Đỗ Thị N, nhưng thực tế người ký hợp đồng lao động và người thực sự làm việc tại Công ty S là bà Phạm Thị Trúc T.

Từ đó, xác định giữa bà N và Công ty S không tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động. Thay vào đó, bà T mới là người lao động thật sự và có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty S theo quy định tại Điều 7, 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Điều 7, 15 Bộ luật lao động năm 2012.

Tuy nhiên, bà T sinh ngày 08/11/1996 nên khi giao kết hợp đồng lao động với Công ty S vào tháng 09/2011 thì bà T chưa đủ 15 tuổi nên bà T không đủ điều kiện để trở thành người lao động theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Đồng thời, bà T sử dụng thông tin của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S là không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Điều 17 Bộ luật lao động năm 2012. Công ty S sử dụng lao động là bà T nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà N nên Công ty S chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Điều 7, 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm và Điều 18 Bộ luật lao động năm 2012.

Vậy nên, khi giao kết hợp đồng lao động, bà T và Công ty S đều vi phạm quy định của pháp luật lao động. Nay bà N yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 4 Điều 166 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Khoản 1 Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị Trúc T (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Đỗ Thị N) với Công ty S trong thời gian từ tháng 09/2011 đến tháng 5/2015 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xác định vào tháng 09/2011 Công ty S có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Đỗ Thị N, sinh ngày 09/5/1993, số sổ BHXH được cấp là 8011034861, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 9/2011

đến tháng 5/2015, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp BHTN.

Tuy nhiên, từ tháng 09/2011 đến tháng 5/2015, người lao động thực sự làm việc tại Công ty S là bà Phạm Thị Trúc T. Thời điểm tháng 09/2011, bà T chưa đủ 15 tuổi nên trong khoảng thời gian từ tháng 09/2011 đến khi bà T chưa đủ 15 tuổi thì không đủ điều kiện để điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 sang tên của bà T, mà cơ quan Bảo hiểm xã hội sẽ hoàn trả số tiền bảo hiểm đã đóng thực tế cho bà T. Ngày 08/11/2011, bà T đủ 15 tuổi nên đủ điều kiện tham gia vào quan hệ lao động, theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Do đó, từ khi bà T đủ 15 tuổi đến tháng 5/2015, thì chấp nhận yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội nêu trên thành tên của bà Phạm Thị Trúc T theo quy định tại Điều 140 Bộ luật lao động năm 1994, Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Ngoài ra, sau khi bà T (với tên của bà N) nghỉ việc tại Công ty S thì bà T tiếp tục sử dụng thông tin nhân thân của bà T để xin việc tại Công ty S và được Công ty S đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015019637 cấp ngày 06/8/2015 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long. Bà T yêu cầu gộp sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015019637 là có cơ sở một phần, đối với phần tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 từ khi bà T đủ 15 tuổi đến tháng 5/2015, theo quy định tại Khoản 4 Điều 46 của Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, nên được chấp nhận.

Bà T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T với Công ty S. Bà N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà N với Công ty trách nhiệm hữu hạn Poong In Vina.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 7, 9, 27, 140, 166 của Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Khoản 1 Điều 3, Điều 7, 15, 17, Khoản 1 Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 7, 8 của

Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N đối với bị đơn bà Phạm Thị Trúc T.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Phạm Thị Trúc T (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Đỗ Thị N) với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam, trong thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 5/2015, bị vô hiệu toàn bộ.

Bà Phạm Thị Trúc T được quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả lại số tiền bảo hiểm đã đóng thực tế đối với khoản thời gian bà T chưa đủ 15 tuổi, theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 ngày 11/5/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 ngày 11/5/2012 cấp cho bà Đỗ Thị N do Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S nộp, trong khoảng thời gian từ khi bà Phạm Thị Trúc T đủ 15 tuổi (ngày 8/11/2011) đến tháng 5/2015 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Phạm Thị Trúc T.

Bà Đỗ Thị N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Đỗ Thị N với Công ty trách nhiệm hữu hạn Poong In Vina.

Gộp sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011034861 ngày 11/5/2012 trong khoảng thời gian từ ngày 08/11/2011 đến tháng 5/2015 đã được điều chỉnh sang tên bà Phạm Thị Trúc T với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015019637 ngày 06/8/2015 cấp cho bà Phạm Thị Trúc T tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thời gian tham gia từ tháng 7/2015 đến ngày bà T chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam.

Bà Phạm Thị Trúc T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Phạm Thị Trúc T với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam tương ứng với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Đỗ Thị N có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000498 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương